

Soạn văn 10 bài: Ôn tập văn học dân gian Việt Nam

1. Soạn bài: Ôn tập văn học dân gian Việt Nam (ngắn nhất) mẫu 1

1.1. Nội dung ôn tập

Câu 1 (Trang 100 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Văn học dân gian là những sáng tác do nhân dân tạo ra trong quá trình lao động, nó mang tính truyền miệng, tập thể với mục đích phục vụ các sinh hoạt tinh thần của tầng lớp bình dân trong xã hội.

Đặc trưng của văn học dân gian:

- Tính truyền miệng: đây là hình thức lưu truyền, phương tiện sáng tác, ngôn ngữ nói khác với ngôn ngữ viết (nền văn học viết)
- Tác phẩm tiêu biểu đã học: sử thi Đăm Săn (Ê-đê), truyện thơ Tiễn dặn người yêu, truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy, các bài ca dao, truyện cười, truyện ngụ ngôn
- Tính tập thể: Văn học dân gian là sản phẩm chung của nhiều người trong quá trình truyền miệng có dị bản.
- Tính thực tế: phục vụ trực tiếp cho những sinh hoạt trong cuộc sống của cộng đồng

Câu 2 (Trang 100 sgk ngữ văn 10 tập 1): Văn học dân gian Việt Nam gồm: sử thi, thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, sân khấu (chèo, tuồng, múa rối, trò diễn mang tích truyện)

Đặc trưng văn học dân gian:

Sử thi

- Những câu chuyện kể về các vị anh hùng, những vấn đề có ý nghĩa với đời sống cộng đồng.
- Đặc điểm nghệ thuật:
 - + Tác phẩm có quy mô lớn



- + Hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng về trí tuệ, sức mạnh cơ bắp
- + Sự trùng điệp câu văn, ngôn ngữ trang trọng, giàu hình ảnh, nhạc điệu với các biện pháp so sánh, ẩn dụ, phóng đại.

Truyền thuyết

Những câu chuyện kể về sự kiện và nhân vật lịch sử (có liên quan tới lịch sử) thể hiện thái độ đánh giá của nhân dân.

Nghệ thuật:

- + Văn xuôi tự sự có dung lượng vừa phải
- + Sự tham gia của những chi tiết, sự việc có tính huyền bí, thiêng liêng

Truyện cổ tích

Phản ánh ước mơ về hạnh phúc, công bằng xã hội thông qua truyện kể về những con người bất hạnh trong xã hội (chàng trai nghèo, người thông minh, ngốc nghếch...)

Nghệ thuật:

- + Hình tượng nhân vật xây dựng dựa trên hư cấu
- + Có sự tham gia của các chi tiết hoang đường, kì ảo
- + Có kết cấu quen thuộc: nhân vật chính gặp nạn, vượt qua, hưởng hạnh phúc

Truyện cười

Tạo nên tiếng cười mỉa mai, châm biếm thói xấu của con người với mục đích để giáo dục, giải trí

Nghệ thuật:

- Dung lượng ngắn, logic, kết thúc bất ngờ, gây cười.

Truyện thơ

Diễn tả tâm trạng, suy nghĩ của con người khi hạnh phúc lứa đôi, sự công bằng xã hội bị tước đoạt.

Nghệ thuật

- Có tính tự sự, dung lượng dài
- Thường sử dụng hình ảnh so sánh, ví von, biện pháp điệp từ, điệp cú pháp để nhấn mạnh

Câu 3 (Trang 100 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Thể loại	Mục đích sáng tác	Hình thức lưu truyền	Nội dung phản ánh	Kiểu nhân vật chính	Đặc điểm nghệ thuật
Sử thi (anh hùng)	Ghi lại cuộc sống, ước mơ phát triển cộng đồng của người Tây Nguyên	Hát – kể	Hình ảnh xã hội Tây Nguyên trước khi có sự phân chia giai cấp	Người anh hùng kì vĩ, cao đẹp, giàu lý tưởng	Thủ pháp so sánh, phóng đại, lặp, đối
Truyền thuyết	Thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với sự kiện, các	Kể diễn xướng	Nhân vật, sự kiện lịch sử được truyền thuyết hóa qua trí	Nhân vật được truyền thuyết hóa (An Dương Vương, Mị Châu,	Có yếu tố tưởng tượng kì ảo

	nhân vật lịch sử		tương tượng của người dân	Trọng Thủy)	
Truyện cổ tích	Ước nguyện của nhân dân về hạnh phúc, công bằng xã hội	Kể	Xung đột xã hội, có sự đấu tranh, phân chia giai cấp	Nhân vật người bất hạnh, xấu xí, thông minh, nhân vật tráng sĩ...	Tương tượng, kì ảo.
Truyện cười	Tiếng cười mua vui giải trí hoặc có tính giáo dục, răn đe	Kể	Những điều trái tự nhiên, thói hư tật xấu trong xã hội	Tuyp nhân vật xấu (học trò giấu dốt, thầy lí tham tiền...)	Truyện ngắn gọn, tình huống bất ngờ, mâu thuẫn phát triển nhanh, kết thúc ngắn gọn

Câu 4 (Trang 101 sgk ngữ văn 10 tập 1):

a, Ca dao than thân là lời của người phụ nữ trong xã hội cũ, thân phận của họ bị phụ thuộc, bị xem thường bởi những thế lực trong xã hội.

+ Họ bị phụ thuộc, không tự quyết định được hạnh phúc, những giá trị của họ không được biết đến.

+ Ca dao thường sử dụng: hình ảnh so sánh, ẩn dụ để nói về thân phận, số kiếp

- Ca dao yêu thương tình nghĩa đề cập tới tình yêu, sự thủy chung, nỗi nhớ, ước mong gặp nhau của đôi lứa...

+ Biểu hiện qua các hình ảnh so sánh, ẩn dụ: khăn tay, ngọn đèn, cây cầu, con thuyền, gừng cay- muối mặn...

Ca dao hài hước: tiếng cười tự trào, thể hiện niềm lạc quan yêu đời của người dân lao động, hoặc là tiếng cười phê phán thói hư tật xấu trong xã hội.

b, Các biện pháp nghệ thuật phổ biến trong ca dao:

- Mô thức mở đầu được lặp lại: thân em, em như, cô kia, ước gì...
- Sử dụng nhiều mô tip biểu tượng: con thuyền- bến nước, gừng cay –muối mặn, ngọn đèn, cây cầu, tấm khăn...
- Sử dụng phổ biến các biện pháp so sánh, ẩn dụ, cường điệu, tương phản
- Sử dụng thể thơ lục bát
- Ngôn ngữ gần gũi, thân thuộc, có tính khẩu ngữ nhưng mang hàm nghĩa sâu xa

1.2. Bài tập vận dụng

Bài 1 (Trang 101 sgk ngữ văn 10 tập 1):

Cảnh Đắm Sạn múa khiên, đoạn cuối tả hình ảnh, sức khỏe chàng

- Trong ba đoạn, nổi bật nhất nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng của sử thi:

+ Thủ pháp so sánh:

Chàng múa trên cao gió như bão

Chàng múa dưới thấp, gió như lốc

Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang, bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực

- Thủ pháp phóng đại: “Một lần xốc tới, chàng vọt một đôi tranh”, khi chàng múa nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đôi tranh dễ bật tung...

- Thủ pháp trùng điệp: Nội dung và cách thức thể hiện. Các hành động, đặc điểm của Đắm Sạn luyện lách nhiều lần tạo nên sự kì vĩ, lớn lao

+ Chàng vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây

- Sự kết hợp linh hoạt của các biện pháp nghệ thuật cùng trí tưởng tượng phong phú của tác giả dân gian, góp phần tôn lên vẻ đẹp của người anh hùng sử thi

Bài tập 2 (trang 101 sgk ngữ văn 10 tập 1):

Lỗi sự thật lịch sử	Bi kịch được hư cấu	Những chi tiết tưởng tượng hoang đường, kì ảo	Kết cục của bi kịch	Bài học rút ra
Nước Triệu do Triệu Đà xâm lược nước Âu Lạc của vua An Dương Vương	Bi kịch tình yêu nằm trong bi kịch đất nước	Chi tiết ngọc trai- giếng nước Nô thần Thần kim quy Rùa vàng rẽ nước dẫn An Dương Vương xuống biển	Mất tất cả: - Tình yêu - Đất nước - Gia đình	Cảnh giác cao độ với các thế lực thù địch Bài học về tinh thần đoàn kết, đấu tranh chống giặc ngoại xâm

Bài 3 (Trang 101 sgk ngữ văn 10 tập 1):

Đặc sắc trong truyện Tấm Cám khắc họa được hình tượng Tấm, kiểu nhân vật chức năng

+ Ban đầu, Tấm thụ động, yếu đuối, thường chỉ khóc, luôn bị hà hiếp, bắt nạt (lúc mất giỏ cá, lúc mất con bóng, lúc bị bắt ngồi nhặt thóc, Tấm bị phụ thuộc vào thế lực bên ngoài.

- Giai đoạn sau, Tấm kiên quyết đấu tranh để giành lấy cuộc sống hạnh phúc (chim vàng anh, khung cửi...). Tấm biết tự mình đấu tranh

- Tấm dần ý thức được thân phận của mình, những mâu thuẫn căng thẳng được giải quyết bằng đấu tranh. Như vậy có sự phát triển trong hành động, ý thức của nhân vật, điều này khẳng định sức sống bất diệt của con người trước sự vui dập của các thế lực thù địch

Bài 4 (Trang 102 sgk ngữ văn 10 tập 1):

Tên truyện	Đối tượng cười (cười ai)	Nội dung cười (cười cái gì)	Tình huống gây cười	Cao trào để tiếng cười òa ra
Tam đại con gà	Thầy đồ ít chữ nhưng thích khoe khoang	Thói ba hoa, giấu dốt của con người	Không biết chữ “kê”	Khi anh chàng giải thích “dù di là con dù di...”
Nhưng nó phải bằng hai mày	Thầy Lý, Ngô và Cải	Tấn bi hài về việc hối lộ và ăn hối lộ	Đã đút lót nhưng vẫn bị đánh	Thầy lý nói “nhưng nó phải bằng hai mày”

Bài 5 (Trang 102 sgk ngữ văn 10 tập 1)

- Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài các hạt ra ruộng cày

Thân em như trái bần trôi

Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu

Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai

- Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều

- Chiều chiều ra đứng Sơn Trà

Lòng ta thương bạn nước mắt và trộn cơm

- Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Nhớ người yếm trắng dải điều thắt lưng

Mở đầu các bài ca dao như vậy có tác dụng nhấn mạnh và tạo thói quen để người nghe dễ tiếp nhận

b, Các hình ảnh so sánh ẩn dụ trong các bài ca dao: thân em- củ ấu gai, thân em- giếng giữa làng, ta – sao Vượt, mặt trăng- Mặt trời, sao hôm- sao mai

Nhân dân lao động sử dụng các hình ảnh thực tế trong lao động sản xuất hằng ngày. Những hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong ca dao làm cho tình cảm của người bình dân được diễn tả một cách kín đáo, sâu sắc, tinh tế và đậm đà tính dân tộc.

c, - *Thuyền về có nhớ bến chăng*

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền

- *Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng:*

“Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?”

- *Bao giờ trạch để ngọn đa*

Sáo để dưới nước thì ta lấy mình.

Bài 6 (trang 102 sgk ngữ văn 10 tập 1)

- Trong thơ của Xuân Hương có sử dụng hình ảnh trầu cau của văn học dân gian:

Mời trầu

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi

Này của Xuân Hương đã quệt rồi

Có phải duyên nhau thì thăm lại

Đừng xanh như lá bạc như vôi.

- Hoặc trong thơ của Nguyễn Du:

Thiếp như hoa đã lìa cành

Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.

Dựa trên câu ca dao:

Ai làm cho bướm lìa hoa

Cho con chim xanh nở bay qua vườn hồng.

2. Soạn bài: Ôn tập văn học dân gian Việt Nam (ngắn nhất) mẫu 2

2.1. Nội dung ôn tập

Câu 1 (trang 100 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1): Các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian:

- Là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng
- Là sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể
- Gắn bó và phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng

* Lưu ý: Xem kĩ kiến thức ở bài Khái quát văn học dân gian Việt Nam

Câu 2 (trang 100 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

- Văn học dân gian gồm những thể loại: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, câu đố, ca dao, vè, truyện thơ, chèo.
- Những đặc trưng chủ yếu của các thể loại: sử thi (sử thi anh hùng), truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, ca dao, truyện thơ
 - + Sử thi: có quy mô lớn, ngôn ngữ có vần, nhịp, hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng, kể về biến cố lớn trong cộng đồng dân cư cổ đại.
 - + Truyền thuyết: kể về sự kiện và nhân vật lịch sử, có xu hướng lí tưởng hóa, thể hiện sự ngưỡng mộ và tôn vinh những người có công với nước. Bên cạnh đó vừa đề cao, vừa phê phán nhân vật lịch sử.
 - + Truyện cổ tích: là tác phẩm hư cấu có chủ định, kể về con người bình thường nhằm thể hiện tinh thần nhân đạo và lạc quan của nhân dân
 - + Truyện cười: ngắn, kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, nhằm mục đích giải trí, phê phán
 - + Ca dao: kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, diễn tả thế giới nội tâm con người
 - + Truyện thơ: thơ phản ánh số phận và khát vọng con người
 - + Chèo: là kịch dân gian, ca ngợi cái tốt đẹp, phê phán, đả kích cái xấu trong xã hội
- Bảng tổng hợp:

Truyện dân gian	Câu nói dân gian	Thơ ca dân gian	Sân khấu dân gian
-----------------	------------------	-----------------	-------------------

Thần thoại, sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ	Tục ngữ, Câu đố	Ca dao, Vè	Chèo, Tuồng dân gian
--	-----------------	------------	-------------------------

Câu 3 (trang 100 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Thể loại	Mục đích sáng tác	Hình thức lưu truyền	Nội dung phản ánh	Kiểu nhân vật	Đặc điểm nghệ thuật
Sử thi (anh hùng)	Ghi lại cuộc sống và ước mơ phát triển cộng đồng của người dân Tây Nguyên xưa	Hát - kể	Xã hội Tây Nguyên thời cổ đại đang ở giai đoạn tiền giai cấp, tiền dân tộc	Người anh hùng sử thi có tầm vóc, sức mạnh và sự tài trí.	Sử dụng biện pháp so sánh, phóng đại, trùng điệp tạo nên những hình tượng hoành tráng, hào hùng
Truyền thuyết	Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân	Kể - diễn xướng (lễ hội)	Kể về các sự kiện lịch sử và các nhân vật lịch sử có thật	Nhân vật lịch sử được truyền thuyết hóa.	Từ cái lõi lịch sử có thật hư cấu thành câu chuyện mang những yếu tố hoang đường, kì

	đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử		được tái hiện qua một cốt truyện hư cấu		ảo, thể hiện cái nhìn, thái độ của nhân dân.
Truyện cổ tích	Thể hiện ước mơ của nhân dân trong xã hội có giai cấp: chính nghĩa thắng gian tà	Kể	Xung đột xã hội, cuộc đấu tranh giữa thiện – ác, tốt – xấu	Người con riêng, người con út, người nghèo, mù dè ghẻ, phú ông, ...	Truyện hoàn toàn hư cấu, không có thật. Kết cấu theo đường thẳng, nhân vật chính trải qua ba chặng trong cuộc đời
Truyện cười	Mua vui giải trí; châm biếm, phê phán xã hội (giáo dục trong nội bộ nhân dân	Kể	Những điều trái tự nhiên, những thói hư tật xấu đáng cười trong xã hội	Nhân vật là những người có thói hư tật xấu, những hủ tục... trong cuộc sống.	Truyện ngắn gọn, tạo tình huống bất ngờ, mâu thuẫn phát triển nhanh, kết thúc đột ngột để gây cười

	và lên án, tố cáo giai cấp thống trị)				
--	--	--	--	--	--

Câu 4 (trang 101 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

a. Ca dao than thân thường là lời của người phụ nữ trong xã hội cũ. Thân phận của họ bị phụ thuộc vào những người khác trong xã hội, không thể tự định đoạt hạnh phúc của mình, những giá trị tốt đẹp của họ không được người khác khẳng định. Hình ảnh so sánh, ẩn dụ miêu tả phẩm chất, giá trị của họ thường xuất hiện sau cấu trúc "Thân em như...".

- Ca dao yêu thương tình nghĩa đề cập đến tình yêu, sự thủy chung, nỗi nhớ nhung, ước mong được gặp nhau của tình yêu đôi lứa...

- Những tình cảm đó thường được biểu hiện thông qua các hình ảnh như tấm khăn, ngọn đèn, cái cầu, con thuyền, bến nước, gừng cay – muối mặn...

- Ca dao hài hước gồm hai mảng, một là tiếng cười tự trào thể hiện niềm yêu đời, lạc quan của người nông dân; hai là tiếng cười châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. Tiếng cười tự trào là tiếng cười lạc quan trước hoàn cảnh của bản thân, còn tiếng cười phê phán là tiếng cười nhắm vào những thói hư tật xấu trong xã hội.

b. Các biện pháp nghệ thuật thường sử dụng trong ca dao:

- Thường lặp lại các mô thức mở đầu: thân em, em như, cô kia, ước gì,...

- Sử dụng nhiều các mô típ biểu tượng: gừng cay - muối mặn, con đò, bến đợi, ngọn đèn, tấm khăn, cái cầu,...

- Sử dụng phổ biến các biện pháp so sánh, ẩn dụ, cường điệu, tương phản đối lập.

- Sử dụng các thể thơ quen thuộc của dân gian (chủ yếu là lục bát).

- Ngôn ngữ mang tính chất lời ăn tiếng nói hàng ngày, tuy rất đời thường nhưng mang nhiều hàm nghĩa sâu sắc...

2.2. Bài tập vận dụng

Câu 1 (trang 101 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

- Những nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng sử thi là:

+ So sánh: “chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc”, “Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang, bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực...”, “Cả một vùng nhào ra như nước”, “bè bạn như nêm như xếp”...

+ Phóng đại: “Một lần xóc tới, chàng vọt một đôi tranh”, “khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đôi tranh bật rể bay tung”

+ Thủ pháp trùng điệp: Nằm ở nội dung của các câu văn và ở cả cách thức thể hiện. Các hành động, cũng như đặc điểm của Đam Săn đều được lặp lại nhiều lần nhằm tạo nên sự kì vĩ, lớn lao.

- Vẻ đẹp của người anh hùng sử thi đã được lí tưởng hóa: mang một vẻ đẹp kì vĩ trong một khung cảnh hoành tráng

Câu 2 (trang 101 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Cái lỗi sự thật lịch sử	Bi kịch được hư cấu	Những chi tiết hoang đường, kì ảo	Kết cục của bi kịch	Bài học rút ra
Cuộc xung đột An Dương Vương – Triệu Đà thời Âu Lạc	Bi kịch tình yêu (lồng vào bi kịch gia đình, quốc gia)	Thần Kim Quy; lấy nõ thần, ngọc trai – giếng nước; Rùa Vàng rẽ nước dẫn An Dương Vương xuống biển	Mất tất cả -Tình yêu -Gia đình -Đất nước	Cảnh giác giữ nước, không chủ quan

				như An Dương Vương, không nhẹ dạ, cả tin như Mị Châu
--	--	--	--	---

Câu 3 (trang 101 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1): Sự chuyển biến hình tượng của nhân vật Tấm:

- Ở giai đoạn đầu, Tấm thụ động, yếu đuối, thường chỉ khóc không biết làm gì (lúc mất giỏ cá, lúc mất con bóng, lúc bị bắt ngồi nhặt thóc...). Ở giai đoạn này, Tấm chỉ biết trông đợi vào sự giúp đỡ của bên ngoài (ông Bụt).

- Nhưng đến giai đoạn sau, Tấm đã kiên quyết đấu tranh để giành lại cuộc sống, giành lại hạnh phúc (chim vàng anh, chiếc khung cửi đều lên tiếng dọa Cám và kết thúc truyện, Tấm đã buộc mẹ con Cám phải nhận một kết cục xứng đáng với tội ác của mình). Ở giai đoạn này, tuy Tấm nhiều lần hóa thân nhưng nhân vật Bụt đã không còn xuất hiện. Thay vào đó, Tấm đã chủ động hơn trong những hành động của mình.

- Có thể nói, sở dĩ có sự phát triển về tính cách như vậy là vì ban đầu, Tấm chưa ý thức được thân phận của mình, mâu thuẫn chưa tới mức căng thẳng và quyết liệt. Hơn nữa, Tấm lại có sự giúp đỡ của nhân vật thần kì nên Tấm còn thụ động. Ở giai đoạn sau, mâu thuẫn bắt đầu quyết liệt đẩy Tấm vào thế phải đấu tranh để giành lại cuộc sống và hạnh phúc của mình. Sự phát triển tính cách của nhân vật Tấm cũng cho thấy sức sống bất diệt của con người trước sự vùi dập của các thế lực thù địch. Nó là sự chiến thắng của cái thiện trước cái ác trong cuộc sống.

Câu 4 (trang 102 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Tên truyện	Đối tượng cười (Cười ai?)	Nội dung cười (Cười cái gì?)	Tình huống gây cười	Cao trào để tiếng cười “òà” ra
Tam đại con gà	Anh học trò “dốt hay nói chữ”	Sự giấu dốt của con người	Luống cuống khi không biết chữ kê	Khi anh học trò nói câu: “Dủ dĩ là chị con công,...”
Nhưng nó phải bằng hai mày	Thầy lí, Cải (và Ngô)	Tấn bi hài kịch của việc hối lộ và ăn hối lộ	Đã đút lót tiền hối lộ mà vẫn bị đánh (Cải)	Khi thầy lí nói: “(...) nhưng nó ạ phải ... bằng hai mày!”

Câu 5 (trang 102 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

a. – Cấu trúc “Thân em như ...”

"Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài các hạt ra ruộng cày"

"Thân em như cá trong lò

Hết phương vùng vẫy không biết nhờ nơi đâu"

"Thân em như giếng giữa làng

Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân"

"Thân em như quả xoài trên cây

Gió đông gió tây nó nam gió bắc

Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành

Một mai rụng xuống biết vào tay ai?"

"Thân em như hạt cau khô

Kẻ thanh tham mỏng, người khô tham dày".

- Cấu trúc “Chiều chiều ...”

“Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”.

“Chiều chiều mây phủ Sơn Trà

Lòng ta thương bạn nước mắt và lộn cơm”.

“Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Nhớ người yếm trắng dài điều thất lưng”.

- Mở đầu các bài ca dao theo cách lặp lại như vậy có tác dụng: tăng màu sắc gợi cảm cho người đọc.

b. Thống kê các hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong các bài ca dao: tấm lụa đào, củ ấu gai, tấm khăn, ngọn đèn, trăng, sao, mặt trời,...

Người bình dân thường lấy các hình ảnh đó trong cuộc sống đời thường, trong thiên nhiên, vũ trụ nâng lên thành hình ảnh ẩn dụ nên dễ cảm nhận, đem đến hiệu quả nghệ thuật cao đối với người thưởng thức.

c. Một số câu ca dao nói về:

- Chiếc khăn, chiếc áo:

“Em về, anh mượn khăn tay

Gói câu tình nghĩa, lâu ngày sợ quên.”

“Ước gì anh hoá ra hoa

Để em nâng lấy rồi mà cài khăn.”

“Hôm qua tát nước đầu đình

bỏ quên cái áo trên cành hoa sen

Em được thì cho anh xin

Hay là em để làm tin trong nhà

Áo anh sứt chỉ đường tà

Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.”

“Áo anh sút chỉ đã lâu

Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.”

- Nỗi nhớ của những đôi lứa đang yêu:

“Nhớ ai bồi hồi bồi hồi

Như đứng đống lửa, như ngồi đống than.”

“Mình về mình nhớ ta chăng ?

Ta về ta nhớ hàm răng mình cười

Năm quan mua lấy miệng cười

Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.”

- Biểu tượng cây đa, bến nước – con thuyền, gừng cay – muối mặn:

“Thuyền ơi có nhớ bến không ?

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.”

“Cây đa cũ, bến đò xưa

Bộ hành có nghĩa, nắng mưa cũng chờ.”

“Tay nâng chén muối đĩa gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau.”

d. Ca dao hài hước mang lại tiếng cười giải trí, mua vui cho con người trong cuộc sống:

“Bà già đi chợ cầu Đông

Xem một quẻ bói lấy chồng lợi chăng

Thầy bói gieo quẻ nói rằng

Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn.”

“Cái cò là cái cò kì

Ăn cơm nhà dì, uống nước nhà cô

Đêm nằm thì ngáy o o



Chứa đi đến chợ đã lo ăn quà.”

Câu 6 (trang 102 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):

Bài thơ Mời trầu của Hồ Xuân Hương có sử dụng hình ảnh trầu – cau là chất liệu của ca dao; các bài thơ của Nguyễn Bính cũng sử dụng rất nhiều chất liệu của ca dao; trong Truyện Kiều, Nguyễn Du có sử dụng nhiều hình ảnh, từ ngữ lấy từ chất liệu ca dao (ví dụ như: Truyện Kiều: "Thiếp như hoa đã lìa cành / Chàng như con bướm lượn vành mà chơi". Ca dao: "Ai làm cho bướm lìa hoa / Cho con chim xanh nữ bay qua vườn hồng").
